



BẢNG QUY CÁCH ỐNG HDPE WATA

STT	TÊN SẢN PHẨM		Áp lực (bar)	QUY CÁCH
	Đường kính	Độ dày		
1	Ø 16	2 mm	PN20	200 m/cuộn
2	Ø 20	1,5 mm	PN12.5	200 m/cuộn
3	Ø 20	2,0 mm	PN16	200 m/cuộn
4	Ø 20	2,3 mm	PN20	200 m/cuộn
5	Ø 25	1,5 mm	PN10	200 m/cuộn
6	Ø 25	2,0 mm	PN12.5	200 m/cuộn
7	Ø 25	2,3 mm	PN16	200 m/cuộn
8	Ø 25	3,0 mm	PN20	200 m/cuộn
9	Ø 32	2,0 mm	PN10	200 m/cuộn
10	Ø 32	2,4 mm	PN12.5	200 m/cuộn
11	Ø 32	3,0 mm	PN16	200 m/cuộn
12	Ø 32	3,6 mm	PN20	200 m/cuộn
13	Ø 40	2,0 mm	PN8	100 m/cuộn
14	Ø 40	2,4 mm	PN10	100 m/cuộn
15	Ø 40	3,0 mm	PN12.5	100 m/cuộn
16	Ø 40	3,7 mm	PN16	100 m/cuộn
17	Ø 40	4,5 mm	PN20	100 m/cuộn
18	Ø 50	2,4 mm	PN8	50 - 100 m/cuộn
19	Ø 50	3,0 mm	PN10	50 - 100 m/cuộn
20	Ø 50	3,5 mm	PN12.5	50 - 100 m/cuộn
21	Ø 50	3,7 mm	PN12.5	50 - 100 m/cuộn
22	Ø 50	4,6 mm	PN16	50 - 100 m/cuộn
23	Ø 50	5,6 mm	PN20	50 - 100 m/cuộn
24	Ø 63	3,0 mm	PN8	50 - 100 m/cuộn
25	Ø 63	3,8 mm	PN10	50 - 100 m/cuộn
26	Ø 63	4,7 mm	PN12.5	50 - 100 m/cuộn
27	Ø 63	5,8 mm	PN16	50 - 100 m/cuộn
28	Ø 63	7,1 mm	PN20	50 - 100 m/cuộn
29	Ø 75	2,9 mm	PN6	50 - 100 m/cuộn
30	Ø 75	3,6 mm	PN8	50 - 100 m/cuộn
31	Ø 75	4,5 mm	PN10	50 - 100 m/cuộn
32	Ø 75	5,6 mm	PN12.5	50 - 100 m/cuộn

33	Ø 75	6,8 mm	PN16	50 m/cuộn
34	Ø 75	8,4 mm	PN20	50 m/cuộn
35	Ø 90	3,5 mm	PN6	50 m/cuộn
36	Ø 90	4,3 mm	PN8	50 m/cuộn
37	Ø 90	5,4 mm	PN10	50 m/cuộn
38	Ø 90	6,7 mm	PN12.5	50 m/cuộn
39	Ø 90	8,2 mm	PN16	50 m/cuộn
40	Ø 90	10,1 mm	PN20	50 m/cuộn
41	Ø 110	4,2 mm	PN6	6m/cây
42	Ø 110	5,3 mm	PN8	6m/cây
43	Ø 110	6,6 mm	PN10	6m/cây
44	Ø 110	8,1 mm	PN12.5	6m/cây
45	Ø 110	10,0 mm	PN16	6m/cây
46	Ø 110	12,3 mm	PN20	6m/cây
47	Ø 125	4,8 mm	PN6	6m/cây
48	Ø 125	6,0 mm	PN8	6m/cây
49	Ø 125	7,4 mm	PN10	6m/cây
50	Ø 125	9,2 mm	PN12.5	6m/cây
51	Ø 125	11,4 mm	PN16	6m/cây
52	Ø 140	5,4 mm	PN6	6m/cây
53	Ø 140	6,7 mm	PN8	6m/cây
54	Ø 140	8,3 mm	PN10	6m/cây
55	Ø 140	10,3 mm	PN12.5	6m/cây
56	Ø 140	12,7 mm	PN16	6m/cây
57	Ø 160	6,2 mm	PN6	6m/cây
58	Ø 160	7,7 mm	PN8	6m/cây
59	Ø 160	9,5 mm	PN10	6m/cây
60	Ø 160	11,8 mm	PN12.5	6m/cây
61	Ø 160	14,6 mm	PN16	6m/cây
62	Ø 180	6,9 mm	PN6	6m/cây
63	Ø 180	8,6 mm	PN8	6m/cây
64	Ø 180	10,7 mm	PN10	6m/cây
65	Ø 180	13,3 mm	PN12.5	6m/cây
66	Ø 180	16,4 mm	PN16	6m/cây
67	Ø 200	7,7 mm	PN6	6m/cây
68	Ø 200	9,6 mm	PN8	6m/cây
69	Ø 200	11,9 mm	PN10	6m/cây
70	Ø 200	14,7 mm	PN12.5	6m/cây
71	Ø 200	18,2 mm	PN16	6m/cây
72	Ø 225	8,6 mm	PN6	6m/cây
73	Ø 225	10,8 mm	PN8	6m/cây
74	Ø 225	13,4 mm	PN10	6m/cây
75	Ø 225	16,6 mm	PN12.5	6m/cây
76	Ø 225	20,5 mm	PN16	6m/cây
77	Ø 250	9,6 mm	PN6	6m/cây

78	Ø 250	11,9 mm	PN8	6m/cây
79	Ø 250	14,8 mm	PN10	6m/cây
80	Ø 250	18,4 mm	PN12.5	6m/cây
81	Ø 250	22,7 mm	PN16	6m/cây
82	Ø 280	10,7 mm	PN6	6m/cây
83	Ø 280	13,4 mm	PN8	6m/cây
84	Ø 280	16,6 mm	PN10	6m/cây
85	Ø 280	20,6 mm	PN12.5	6m/cây
86	Ø 280	25,4 mm	PN16	6m/cây
87	Ø 315	12,1 mm	PN6	6m/cây
88	Ø 315	15,0 mm	PN8	6m/cây
89	Ø 315	18,7 mm	PN10	6m/cây
90	Ø 315	23,2 mm	PN12.5	6m/cây
91	Ø 315	28,6 mm	PN16	6m/cây
92	Ø 355	13,6 mm	PN6	6m/cây
93	Ø 355	16,9 mm	PN8	6m/cây
94	Ø 355	21,1 mm	PN10	6m/cây
95	Ø 355	26,1 mm	PN12.5	6m/cây
96	Ø 355	32,2 mm	PN16	6m/cây
97	Ø 400	15,3 mm	PN6	6m/cây
98	Ø 400	19,1 mm	PN8	6m/cây
99	Ø 400	23,7 mm	PN10	6m/cây
100	Ø 400	29,4 mm	PN12.5	6m/cây
101	Ø 400	36,3 mm	PN16	6m/cây